

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ĐỊNH HÓA

Định Hóa, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ĐỊNH HÓA**

Ngày 23 tháng 12 năm 2024
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Huy

Ngày 13 tháng 12 năm 2024
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Lý Văn Thắng

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên có hạn và vô cùng quý giá của mỗi quốc gia. Đất đai không chỉ là đối tượng lao động mà còn là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư. Đất đai có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm là cần thiết và quan trọng nhằm sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tránh gây lãng phí, chông chéo trong sử dụng đất, hạn chế việc hủy hoại đất và phá vỡ môi trường sinh thái. Làm cơ sở cho công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch.

Từ những lý do trên, yêu cầu cần thiết lập bổ sung kế hoạch sử dụng năm 2021 cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo sử dụng nguồn tài nguyên quý giá này một cách khoa học, hợp lý, đúng mục đích và có hiệu quả.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1.1. Căn cứ pháp lý lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- + Luật đất đai năm 2024;
- + Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai;
- + Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- + Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030;
- + Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030.

1.2. Cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã;
- Quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa đến năm 2030;
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045;
- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Định Hóa;

- Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

1.3. Mục đích, yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất:

- Mục đích: Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện khi được UBND tỉnh xét duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để quản lý đất đai và là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất...

- Yêu cầu:

+ Đánh giá một cách đầy đủ, khách quan về kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện đến tháng 10/2024;

+ Kế hoạch sử dụng đất phải nêu được cụ thể chỉ tiêu các loại đất cần thực hiện trong năm kế hoạch;

+ Xác định, định hướng khai thác, sử dụng quỹ đất của huyện một cách hợp lý, hiệu quả, phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

II. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Điều kiện tự nhiên:

2.1.1. Vị trí địa lý:

Định Hoá là huyện miền núi, nằm phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, có tọa độ địa lý: Vĩ độ Bắc từ 24⁰05' đến 24⁰40'.

Kinh độ Đông từ 185⁰05' đến 185⁰80'.

Huyện Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên 50 km theo quốc lộ 3C có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn);

- Phía Nam: Giáp huyện Đại Từ và huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên);

- Phía Đông: Giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn);

- Phía Tây: Giáp huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang).

2.1.2. Địa hình, địa mạo:

Địa hình đa dạng và phức tạp chủ yếu là vùng núi cao, có độ dốc lớn, địa hình hiểm trở, độ chia cắt mạnh. Những vùng đất tương đối bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ, phân tán dọc theo các khe, ven sông, suối hoặc các thung lũng đá vôi.

Với đặc điểm địa hình và quá trình sản xuất, huyện Định Hóa chia thành 3 tiểu vùng sinh thái: Tiểu vùng núi cao; Tiểu vùng thung lũng lòng chảo; Tiểu vùng đồi thoải.

2.1.3. Đặc điểm khí hậu:

Khí hậu của huyện mang đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc bộ, có 2 mùa mưa và khô rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11

năm trước đến tháng 3 năm sau (Ngày mưa bình quân 137 ngày/năm); Lượng mưa trung bình 1.710mm/năm, tuy nhiên lượng mưa phân bố không đều, mưa tập trung vào từ tháng 6 đến tháng 9, chiếm 90 % lượng mưa cả năm.

Về nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình cả năm là 22,5⁰C, các tháng nóng là các tháng mùa mưa, nóng nhất là tháng 7 với nhiệt độ trung bình là 28,7⁰C, nhiệt độ thấp nhất là vào tháng 1 với nhiệt độ trung bình là 15⁰C. Biên độ nhiệt ngày đêm trung bình khá lớn (>7⁰C).

2.1.3. Thủy văn:

Do đặc điểm mùa mưa tập trung vào các tháng mùa hè (tháng 6 đến tháng 9). Vì vậy lưu lượng dòng chảy cao nhất đạt vào tháng 7, tháng 8; Nhỏ nhất vào tháng 3. Tại các vùng núi thấp và trung bình Modul dòng chảy là 20 – 30l/s. Nhìn chung lũ lụt ở địa phương năm nào cũng có nhưng ở mức độ khác nhau. Qua theo dõi cho thấy lũ lụt ở vùng này có quy luật: Cứ theo chu kỳ khoảng 3 đến 5 năm thì 1 năm có lũ lụt ở mức độ trung bình và 8 - 10 năm lại xảy ra lũ lụt lớn gây thiệt hại nhiều cho hoạt động sản xuất và đời sống người dân trên địa bàn huyện.

2.2. Các nguồn tài nguyên:

2.2.1. Tài nguyên đất:

Theo kết quả điều tra và tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Thái Nguyên; Trên cơ sở đánh giá đất theo FAO-UNESCO huyện Định Hoá có 11 loại đất chính như sau: Đất phù sa không được bồi; Đất phù sa ngòi suối; Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ; Đất nâu đỏ trên đá macma trung tính và bazơ; Đất đỏ vàng trên đá phiến sét; Đất đỏ vàng trên đá phiến thạch; Đất vàng đỏ trên đá macma axit; Đất vàng nhạt trên đá cát; Đất nâu vàng trên phù sa cổ; Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước; Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit.

2.2.2. Tài nguyên nước:

Huyện Định Hoá có nguồn nước mặt khá phong phú, với 2 hệ thống sông chính là hệ thống sông Chợ Chu và hệ thống Sông Công.

- Hệ thống sông hồ và đập nước: Huyện có hơn 100 ao, hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bảo Linh, với diện tích mặt nước khoảng trên 80 ha và có khoảng 200 đập dâng tưới cho khoảng 3.500 ha;

- Nguồn nước ngầm cũng rất dồi dào và có chất lượng tốt, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và cho sản xuất.

2.2.3. Tài nguyên rừng:

Tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 35.582,24 ha, chiếm 69,25% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Thảm thực vật rừng rất phong phú và đa dạng, tập đoàn cây rừng có nhiều tầng khác nhau. Song trên đất rừng tỷ lệ cây gỗ quý còn rất ít, hiện tại còn lại chủ yếu cây gỗ nhóm 4 và nhóm 6.

2.2.4. Tài nguyên khoáng sản:

Định Hóa là một huyện nằm trong vùng sinh khoáng Định Hóa - Phú Lương - Chợ Đồn, nên có thể có nhiều mỏ quặng nhỏ phân tán thuộc nhóm khoáng sản kim loại, phi kim (Eyrít, photphorit, Graphit), vật liệu xây dựng.

Hiện tại trên địa bàn huyện mới chỉ khai thác đá vôi để sản xuất vật liệu xây dựng và cát sỏi để phục vụ xây dựng cho địa phương.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn:

Định Hóa là địa bàn sinh sống của 14 dân tộc anh em, trong đó: Dân tộc Kinh chiếm 36,2%; Dân tộc Tày chiếm 46,05%; Dân tộc Nùng chiếm 3,27%; Dân tộc Dao chiếm 1,9%; Dân tộc Sán Chay chiếm 7,5%; Dân tộc Hoa chiếm 1,4% và một số dân tộc khác chiếm 0,5%. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, đây cũng là một nét riêng của huyện Định Hóa.

Nhiều di sản văn hóa của huyện rất nổi tiếng như nhà sàn Định Hóa được trưng bày tại Bảo tàng dân tộc học; Nghệ thuật múa rối Tày Thảm Rộc (Bình yên); Lễ hội Lồng Tồng được duy trì tổ chức vào đầu xuân hàng năm; Cùng với các văn hóa vi vật thể khác như các điệu sli, lượn, then, dân ca...là các phong tục, các sản vật và món ăn của các dân tộc độc đáo đặc trưng cho vùng Việt Bắc.

2.3. Điều kiện kinh tế - xã hội:

2.3.1. Công tác sản xuất nông, lâm nghiệp:

a. Về trồng trọt

- UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt phương án sản xuất nông nghiệp, chuẩn bị đầy đủ giống lúa, ngô, cây màu, các vật tư khác phục vụ cho sản xuất; chỉ đạo kiểm tra các hệ thống hồ, đập, nạo vét kênh mương đảm bảo tích trữ đủ nước phục vụ sản xuất. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (*giá so sánh năm 2010*) đạt 1.239,6/1.236 tỷ, đạt 100,3%KH huyện, đạt 100,13%KH tỉnh (*tỉnh giao 1.238 tỷ*) tăng 37,6 tỷ đồng (*tăng 3,13%*) so với năm 2023; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt (*giá hiện hành*) đạt 110,2/110 triệu đồng/ha, đạt 100,2% KH.

- Nhân dân trên địa bàn huyện đã triển khai tốt kế hoạch sản xuất năm 2024, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 49.724/50.600 tấn đạt 98,3%KH, giảm 1.651 tấn so với năm 2023; trong đó sản lượng thóc đạt 46.098/47.010 tấn đạt 98,1%KH, giảm 1.612 tấn so với năm 2023, cây ngô đạt 3.626/3.590 tấn, đạt 101%KH, giảm 134 tấn so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng rau đạt 17.232/17.600 tấn, đạt 97,9% KH năm; các cây hoa màu khác đều được quan tâm, chỉ đạo thực hiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

- Thời tiết thuận lợi cho cây chè phát triển, tổng diện tích chè hiện có 2.674,98 ha, diện tích chè cho sản phẩm 2.574,6ha, sản lượng chè búp tươi đạt

32.296/30.400 tấn, đạt 106,2%KH; diện tích chè trồng mới và trồng thay thế đạt 105,56/100ha, đạt 105,6%KH.

b. Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản

Công tác chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được thực hiện tốt, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. UBND huyện đã chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng kế hoạch, tổ chức tiêm phòng đợt I, đợt II năm 2024 cho đàn gia súc, gia cầm. Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2024: Đàn trâu 3.981/3.950 con, đạt 100,8% KH; đàn bò 3.760/4.100 con, đạt 91,7% KH; đàn lợn 32.000/43.000 con, đạt 74,4%KH; tổng đàn gia cầm 785.000/900.000 con, đạt 87,2% KH. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 13.022/13.000 tấn, đạt 100,2%KH. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 805/805 ha đạt 100% KH; sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 1.331/1.550 tấn, đạt 85,9% KH.

c. Kinh tế tập thể, chương trình OCOP

Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm, UBND huyện chỉ đạo tư vấn thành lập mới được 06 HTX, nâng tổng số HTX nông nghiệp đang hoạt động trên toàn huyện lên 45 HTX, góp phần tạo việc làm ổn định với thu nhập khá cho nhiều lao động nông thôn; thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn cho 05 HTX; hỗ trợ 04 HTX thực hiện dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị...

Chương trình OCOP được triển khai thực hiện tốt, UBND huyện triển khai các văn bản của Trung ương, tỉnh về Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" đến các ban ngành, đoàn thể của huyện, các xã, thị trấn; thực hiện đăng ký 13 sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP năm 2024, hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể thiết lập hồ sơ chương trình OCOP. Hỗ trợ xây dựng Website cho 02 HTX tham gia phân hạng chu trình OCOP năm 2024; đề nghị tỉnh hỗ trợ 11 biển hiệu giới thiệu sản phẩm OCOP năm 2024 cho các chủ thể (HTX, hộ kinh doanh); tổ chức 04 lớp tập huấn về Chương trình OCOP với 277 người tham gia; đã có 15 sản phẩm OCOP của huyện được đưa sản phẩm lên sàn giao dịch điện tử; hỗ trợ các HTX đưa sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP tham gia các hội chợ, triển lãm, quảng bá sản phẩm trong và ngoài tỉnh (5 cuộc). Năm 2024, huyện đạt 7/5 sản phẩm OCOP 3 sao trở lên, đạt 140%KH.

d. Công tác chuyển giao khoa học - kỹ thuật

Tổ chức 180 lớp tập huấn với 6.720 lượt người tham gia, nội dung tập huấn về kỹ thuật gieo cấy, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây lúa, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây chè, cây ăn quả, cây lâm nghiệp; cán bộ phụ trách công tác khuyến nông tại các xã thường xuyên hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân tại hộ gia đình, tại đồng ruộng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật hiệu quả vào sản xuất.

e. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm thực hiện theo quy định, trồng rừng tập trung đạt 1.000,77/1.000 ha, đạt 100,1%KH, trong đó trồng quế đạt 507/500ha, đạt 101,4% KH; công tác giám sát khai thác lâm sản: Tổng diện tích khai thác 677,99 ha, khối lượng gỗ khai thác (*bao gồm cả cây trồng phân tán*) 40.108,74 m³ gỗ tròn; tre, vầu, nứa 912.500 cây; vỏ quế 74,5 tấn, cành lá quế 440,0 tấn; củi tận thu 11.655,86 ste; lực lượng chức năng đã phát hiện, lập hồ sơ xử lý 21 vụ vi phạm luật Lâm nghiệp, tịch thu 55,751m³ gỗ quy tròn các loại, tổng các khoản thu nộp 104,55 triệu đồng. Triển khai phát động Tết trồng cây “*Đời đời nhớ ơn Bác Hồ*” xuân Giáp Thìn 2024 tại Quảng trường ATK Định Hóa, tổ chức trồng cây xanh phân tán theo Đề án của Chính phủ trồng mới 01 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn. Tổ chức diễn tập chữa cháy rừng tại xóm Tam Hợp, xã Lam Vỹ trong đợt diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2024. Năm 2024, toàn huyện không xảy ra hiện tượng cháy rừng.

2.3.2. Chương trình xây dựng Nông thôn mới (NTM):

Ban hành văn bản triển khai phân bổ nguồn vốn thực hiện các dự án liên kết, dự án phát triển sản xuất cộng đồng từ nguồn vốn sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng công tác xây dựng NTM. Tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức làm việc với các xã: Kim Phụng, Tân Dương, Diêm Mặc về xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (*xã Kim Phụng*), xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 (*xã Diêm Mặc, xã Tân Dương*). Kết thúc năm 2024, có 02 xã: Kim Phụng, Sơn Phú đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 200%KH; 02 xã: Tân Dương, Diêm Mặc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 200%KH, có 07/04 xóm đạt xóm nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 175%KH.

Sử dụng lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực và cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Tổng nguồn vốn đầu tư từ các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện 134.657 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM 65.639 triệu đồng, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 60.998 triệu đồng, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 8.020 triệu đồng. UBND huyện phân bổ 9.600 tấn xi măng cho các địa phương xây dựng hạ tầng NTM; ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện Chương trình xây dựng NTM được thực hiện theo quy định...

Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên triển khai việc lấy ý kiến hài lòng của người dân để hoàn thiện hồ sơ minh chứng xây dựng huyện đạt chuẩn NTM; phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét huyện Định Hóa đạt chuẩn NTM năm 2023, trình Hội đồng thẩm định Trung ương theo quy định. Ngày 29/7/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 719/QĐ-TTg công nhận huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn nông thôn

mới năm 2023. Ngày 30/10/2024, UBND huyện Định Hóa phối hợp với các sở, ngành tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thành công Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba và công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

2.3.3. Sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ, quy hoạch, quản lý đô thị, giao thông:

- Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương năm 2024 (theo giá so sánh) ước đạt 357,4/360 tỷ đồng đạt 99,3% KH huyện giao và đạt 100,11% KH tỉnh giao (tỉnh giao 357 tỷ), (khối doanh nghiệp 125 tỷ, khối cá thể 232,4 tỷ), tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2023, các sản phẩm chủ yếu là ván bóc, gỗ dăm, gỗ xẻ, chế biến mỳ gạo, may mặc, gạch không nung, cơ khí... Thương mại, dịch vụ duy trì ổn định, không xảy ra đột biến giá cả hàng hóa thiết yếu, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 1.368 tỷ đồng, tăng 185 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023; giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt trên 1,2 triệu đô la, giá trị nhập khẩu hàng hóa đạt hơn 0,19 triệu đô la.

- Công tác quản lý giao thông, đô thị được tăng cường, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, việc chỉnh trang đô thị, hành lang giao thông các tuyến đường, công tác an toàn giao thông... được triển khai thực hiện theo quy định. Xây dựng kế hoạch, triển khai công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường huyện năm 2024 gồm 16 tuyến với tổng chiều dài 101 km. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh, nhà thầu, tổ chức Lễ triển khai thi công dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn (tại xóm Hoa Muông, xã Bảo Linh), phối hợp với các cơ quan chức năng của Cục đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông Vận tải xử lý sạt lở nền đường Hồ Chí Minh (đoạn Chợ Mới - Chợ Chu), quốc lộ 3C; rà soát, xử lý các điểm sạt lở tại các tuyến đường huyện, xã do ảnh hưởng cơn bão số 3 (Yagi).

2.3.4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Tổng nguồn vốn huy động để thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ bản 228,477 tỷ đồng; đã phân bổ chi tiết 222,077 tỷ đồng cho 254 công trình, trong đó có 106 công trình chuyển tiếp, 148 công trình khởi công mới; đến nay đã giải ngân 114,474 tỷ, đạt 52%KH vốn giao chi tiết. Đến hết thời gian giải ngân năm 2024 sẽ đảm bảo giải ngân đạt 100%KH vốn theo quy định.

2.3.5. Công tác giải phóng mặt bằng:

- Công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình dự án được chỉ đạo quyết liệt, các công trình, dự án cơ bản đảm bảo mặt bằng thi công xây dựng, trong năm huyện đã thực hiện giải phóng mặt bằng các công trình dự án: Công trình nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ km31 (quốc lộ 3) đến di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh), đoạn từ km

18+500 đến km21+231,5 và đoạn từ ngã ba Quán Vuông đến ngã ba Bình Yên; công trình cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Bảo Cường - Đồng Thịnh - Định Biên; Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn; dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm đò Pụ Đồn; dự án cải tạo, sửa chữa nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2.3.6. Công tác Văn hóa - Thông tin:

- Công tác quản lý nhà nước về Văn hóa - Thông tin tiếp tục được thực hiện theo quy định; tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 90,1/90%, đạt 100,1%KH; tỷ lệ đạt khu dân cư văn hóa đạt 98,24/90%, đạt 109,2%KH; tỷ lệ đạt danh hiệu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 97/95%, đạt 102,1%KH. Tổ chức thành công Lễ hội Lồng Tồng ATK Định Hóa xuân Giáp Thìn 2024; triển khai các Kế hoạch tổ chức các hoạt động tuyên truyền, các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương; ban hành Kế hoạch thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2024, triển khai thực hiện Nghị định số 86/2023/NĐ-CP, ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; triển khai Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” phân kỳ năm 2024; phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên năm 2024, 2025 tại xóm Khuôn Tát, xã Phú Đình... Phối hợp với các cơ quan Trung ương, cơ quan quân đội thực hiện công tác bảo tồn, bảo quản định kỳ di tích lịch sử trên địa bàn huyện. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về tổ chức lễ hội, hoạt động của các cơ sở bơi, lặn trên địa bàn huyện. Xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi ảnh đẹp huyện Định Hóa với chủ đề “Tự hào quê hương ATK Định Hóa”, tổ chức công bố Quyết định của UBND tỉnh công nhận điểm du lịch cộng đồng xóm Khuôn Tát, xã Phú Đình.

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn:

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị:

Hiện huyện có 1 đô thị là Thị trấn Chợ Chu, là trung tâm kinh tế - văn hoá và cũng là địa bàn xây dựng trụ sở khối cơ quan của huyện. Trong những năm gần đây, tốc độ xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng,... tăng khá nhanh.

Tổng đất đô thị của thị trấn là 434,90 ha, tổng dân số đô thị là 6.107 người, mật độ dân số 1.404 người/km², bình quân đất ở đô thị là 94 m²/người.

2.4.2. Thực trạng phát triển khu vực nông thôn:

Toàn huyện có 22 xã, với 2.995,40 ha đất khu dân cư nông thôn. Dân số nông thôn chiếm 92,93% tổng dân số của huyện với 80.200 người. Tổng diện tích đất ở nông thôn là 983,97 ha. Bình quân đất ở nông thôn là 122 m²/người.

Sự phân bố dân cư theo cộng đồng tại các thôn bản gần các trục đường giao thông, nguồn nước, địa bàn sản xuất thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất. Tuy

nhiên, phân bố dân cư không đồng đều, dân số tập trung đông tại các thị tứ và ven các trục đường giao thông lớn, dân số thưa tại các xã xa trung tâm huyện.

Kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm xá trong thời gian qua được đầu tư cải thiện đáng kể.

2.5. Những thuận lợi, khó khăn:

2.5.1. Những thuận lợi:

- Huyện có vị trí địa lý tiếp giáp với 2 tỉnh Tuyên Quang và Bắc Kạn. Đây là vùng núi cao, núi đất xen núi đá vôi, nhiều hang động, sông suối vây quanh, thác nước bốn mùa tạo nên phong cảnh hữu tình, lại có nhiều di tích lịch sử như: Lăng Chợ Chu; Cơ quan Trung ương Đảng, Chính Phủ, Bộ quốc phòng và Bác Hồ đã làm việc tại đây; liên khu di tích lịch sử Tân Trào, rừng đặc dụng Tân Trào, vườn Quốc gia Tam Đảo. Do nơi đây có cảnh quan thiên nhiên đẹp, môi trường trong lành, là điều kiện để phát huy tiềm năng du lịch sinh thái. Khi hoàn thành tuyến đường Hồ Chí Minh thì ATK trở thành điểm tham quan du lịch;

- Nền kinh tế của huyện trong những năm qua có sự tăng trưởng khá cao và ổn định. Tuy nhiên, cần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng CN và dịch vụ;

- Nhìn chung, đất đai của huyện đa dạng, thuận lợi cho việc phát triển đa dạng hoá cây trồng.

- Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ văn hóa chuyên môn ngày càng cao. Đây là nguồn tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội của huyện;

- Năng lực trình độ sản xuất của nhiều ngành kinh tế đã tăng lên, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực, tổ chức sản xuất kinh doanh có nhiều kinh nghiệm ... là điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo;

2.5.2. Những khó khăn và thách thức:

- Khí hậu, thủy văn phân hoá theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, ngập úng về mùa mưa (chiếm tới 91,6% lượng mưa cả năm), ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân;

- Địa hình bị chia cắt mạnh; đất đai phần lớn là đồi núi, nghèo dinh dưỡng, độ dốc lớn nên dễ bị thoái hoá do bị rửa trôi, xói mòn - ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và các công trình như giao thông, xây dựng...;

- Nguồn tài nguyên rừng đang ngày càng cạn kiệt, cộng với việc khai thác nguồn tài nguyên đất đai chưa đúng mức và sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu không hợp lý...;

- Sự gia tăng dân số tự nhiên, dân số tăng cơ học và sự hình thành các khu đô thị, khu TĐC phải cần một quỹ đất để xây dựng nhà ở, bố trí sắp xếp lại dân cư.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

Trong năm 2024, huyện Định Hóa được phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo các Quyết định:

- Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa;

- Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa;

- Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa;

- Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung và điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa;

- Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa.

Trên cơ sở phân tích, rà soát, tổng hợp các công trình, dự án đã được triển khai thực hiện trong năm 2024 (có dự báo kết quả thực hiện 03 tháng cuối năm), cho thấy kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện, như sau:

Bảng 1: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Định Hóa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích phê duyệt Kế hoạch năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện				Tỷ lệ (%)
			Diện tích đã thực hiện	Sử dụng từ các loại đất			
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)/(3)*100
	Tổng cộng	399,75	23,88	23,34	0,54	-	5,97
I	Đất nông nghiệp	96,42	0,03	0,03	-	-	0,03
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng cây lâu năm	0,16	0,03	0,03	-	-	19,62
1.2	Đất nông nghiệp khác	96,26	-	-	-	-	-
II	Đất phi nông nghiệp	303,33	23,84	23,31	0,54	-	7,86
2.1	Đất ở đô thị	10,24	0,17	0,17	-	-	1,65
2.2	Đất ở nông thôn	32,37	1,28	1,28	-	-	3,95
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,15	-	-	-	-	-

2.4	Đất quốc phòng	100,05	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	9,01	0,11	0,11	-	-	1,25
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	11,22	-	-	-	-	-
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	7,32	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	3,91	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	45,07	-	-	-	-	-
2.7.1	Đất cụm công nghiệp	0,51	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,48	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	41,08	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	95,22	22,28	21,75	0,54	-	23,40
2.8.1	Đất công trình giao thông	77,08	17,60	17,20	0,40	-	22,83
2.8.4	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	17,96	4,68	4,54	0,14	-	26,09
2.8.5	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,18	-	-	-	-	-

Tổng diện tích được phê duyệt trong Kế hoạch năm 2024 là 399,75 ha, kết quả thực hiện được 23,88ha, đạt tỷ lệ 5,97 %.

3.2. Tồn tại, vướng mắc

- Đối với công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thực sự vào cuộc một cách quyết liệt đặc biệt là xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai, chuyển mục đích và thu tiền sử dụng đất.

- Các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai mới vẫn phát sinh ở một số xã chưa được xử lý kịp thời, các trường hợp vi phạm cũ chưa quan tâm giải quyết. Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao.

- Công tác cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai còn chậm, đặc biệt đối với phần diện tích đất đã bị thu hồi, hiến đất để thực hiện các công trình, dự án.

- Một số dự án thu hút đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách chưa thể triển khai thực hiện vì các chủ đầu tư chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định.

- Việc thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 đạt chỉ tiêu chưa cao là do UBND các xã, thị trấn chưa kịp thời đôn đốc, hướng dẫn các hộ thực hiện công tác chuyển mục đích sử dụng đất.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

4.1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2025 là 269,20 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

4.2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất trong năm 2024 là 165,26 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

4.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Tổng diện tích các chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 là 260,28 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 0,07 ha

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

4.4. Danh mục các công trình, dự án:

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2025 là 37 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 269,20 ha. Trong đó:

- 24 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 265,15 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 13 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 4,05 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

4.5. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện:

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

4.6. Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 02 năm chưa thực hiện

Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đối với 26 công trình, dự án trên địa bàn huyện Định Hóa do đã quá 02 năm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

4.7. Danh sách chi tiết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Định Hóa xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

5.1 Các biện pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ biên giới, rừng đặc dụng (bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa). Khuyến khích trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, đẩy mạnh phong trào trồng cây nhân dân để nâng cao độ che phủ rừng;

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện đất dốc, kết hợp nông - lâm trong sử dụng đất để có hệ số sử dụng cao nhất và không có thời gian đất trống. Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là trong thời gian mùa mưa), khai thác trắng;

- Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc sử dụng chất thải công nghiệp độc hại trước khi thải ra môi trường chung quanh không ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân;

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu;

- Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái rừng đặc dụng, giành đầu tư cho hành lang xanh, giữ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học, xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

5.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, thông báo đến UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, ban ngành của huyện;

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện xuống đến các địa phương - đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã thực hiện, thường xuyên và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật;

- Cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường của huyện tham mưu cho UBND huyện có biện pháp quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo Luật Đất đai hiện hành, Luật Môi trường, Luật Khoáng sản...; Hướng dẫn các ngành sử dụng đất có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ tài nguyên đất và môi trường.

VI. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

6.1. Kết luận

- Các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất đã được tính toán trên cơ sở tổng hợp xây dựng Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Định Hóa và quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện;

- Kế hoạch sử dụng các loại đất như trên là phù hợp với thực tế sử dụng đất của từng cấp, từng ngành trên địa bàn huyện, với mục tiêu phương hướng phát triển kinh tế - hội của huyện trong năm 2025, phù hợp với chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới mà Đảng và Nhà nước đã đề ra theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.2. Đề nghị

- UBND tỉnh Thái Nguyên có chính sách thỏa đáng khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Có chính sách phù hợp khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với đất lúa kém hiệu quả sử dụng trong nội bộ nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất tự nhiên trên địa bàn huyện;

- Để huyện Định Hóa thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất hàng năm và phát triển kinh tế - xã hội, UBND huyện đề nghị UBND tỉnh, các Sở, Ngành của tỉnh quan tâm, tạo điều kiện giới thiệu các nhà đầu tư đến đầu tư tại huyện Định Hóa. Mặt khác, tạo điều kiện ban hành các cơ chế đặc thù khác biệt dành cho huyện Định Hóa khác với các huyện khác để có thể thu hút doanh nghiệp đầu tư vào huyện Định Hóa;

- UBND tỉnh Thái Nguyên, sở Tài nguyên và Môi trường sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để UBND huyện Định Hóa có cơ sở thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa huyện.

Trên đây là kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của UBND huyện Định Hóa./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Lý Văn Thắng

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Định Hóa)

(Kèm theo Báo cáo)

Thị trấn Chợ Chu	Xã Định Biển	Xã Trung Lương
10,76	0,05	2,30

[illegible]

[illegible]

Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Định Hóa

(Kèm theo Báo cáo)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

Kế hoạch chuyên mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Định Hóa
(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Định Hóa)

[illegible]

[illegible]

Phụ lục IV

Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của huyện Định Hóa (Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Định Hóa)



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính
			Xã Lam Vỹ
	Tổng	0,07	0,07
1	Nhóm đất nông nghiệp		
1.1	Đất trồng lúa		
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa		
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại		
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác		
1.3	Đất trồng cây lâu năm		
1.4	Đất rừng đặc dụng		
1.5	Đất rừng phòng hộ		
1.6	Đất rừng sản xuất		
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản		
1.8	Đất chăn nuôi tập trung		
1.9	Đất làm muối		
1.10	Đất nông nghiệp khác		
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	0,07	0,07
2.1	Đất ở tại nông thôn		
2.2	Đất ở tại đô thị		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
2.4	Đất quốc phòng	0,07	0,07
2.5	Đất an ninh		
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp		
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa		
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội		
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế		
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo		
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao		
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ		
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường		
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn		
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao		
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		
2.7.1	Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp		
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp		
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp		
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung		
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ		
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng		
2.8.1	Đất công trình giao thông		
2.8.2	Đất công trình thủy lợi		
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính
			Xã Lam Vỹ
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai		
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên		
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải		
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng		
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin		
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối		
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng		
2.9	Đất tôn giáo		
2.10	Đất tín ngưỡng		
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt		
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng		
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá		
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối		
2.13	Đất phi nông nghiệp khác		

Phụ lục V
Danh mục 24 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện
năm 2025 của huyện Định Hóa
(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất
năm 2025 huyện Định Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		265,15	16,35	176,00		25,88	46,92
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	45,42	1,00	39,85			4,57
2	Chuyển mục đích sang trang trại chăn nuôi (hộ Nông Thị Ngân)	Xã Tân Dương, huyện Định Hóa	0,89	0,39				0,50
3	Chuyển mục đích sang trang trại chăn nuôi (hộ Đặng Tiến Đại)	Xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	0,69		0,58			0,11
4	Chuyển mục đích sang trang trại chăn nuôi (hộ Ma Văn Anh)	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,37	0,16	0,05			0,16
5	Chuyển mục đích sang trang trại chăn nuôi (hộ Nông Văn Giáp)	Xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	0,92					0,92
6	Khu chăn nuôi tập trung (Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Thái Nguyên)	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	47,96	4,04	40,92			3,00
7	Khu tái định cư di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất và có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và kè bờ suối khắc phục sạt lở khu vực UBND xã và Trạm y tế xã Linh Thông (để giao đất)	Xã Linh Thông, huyện Định Hóa	1,64	1,52				0,12
8	Khu tái định cư thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa	3,00	0,33	2,33			0,35
9	Thao trường huấn luyện, bắn đạn thật - Sư đoàn 346/Quân khu I	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	100,00	2,30	56,56		19,46	21,69
10	Đầu giá, cho thuê đất sản xuất kinh doanh và tiểu thủ công nghiệp	Xã Phụng Tiến, huyện Định Hóa	1,50					1,50
11	Mỏ đất san lấp xã Phú Tiến	Xã Phú Tiến, huyện Định Hóa	14,10	0,25	13,24			0,61
12	Mỏ đất san lấp xã Phúc Chu	Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa	12,30	0,53	10,00			1,77
13	Mỏ đất san lấp tại xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu (khu 1+2)	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	10,37	0,24	4,80			5,34
		Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa	3,23		2,86			0,37

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	Các xã Trung Hội, Trung Lương, Bình Yên, Diêm Mặc, Phú Đình, huyện Định Hóa	15,59	4,10	2,60		4,69	4,20
15	Tôn tạo khi di tích lịch sử ngành Cơ yếu Quân đội	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,15					0,15
16	Di tích lịch sử Cục quân Pháp (1951-1954)	Xã Tân Dương huyện Định Hóa	0,02					0,02
17	Địa điểm nơi ra đời nhà xuất bản Vệ quốc quân (nay là Nhà xuất bản Quân đội nhân dân) xóm Bản Vệ, xã Định Biên	Xã Định Biên, huyện Định Hóa	0,05					0,05
18	Địa điểm cơ quan Tổng bộ Việt Minh (1947-1948) và Nơi ở, làm việc của đồng chí Hoàng Quốc Việt (1947-1950) (Địa điểm thành lập Hội Nhà báo Việt Nam và Ủy ban Hòa bình Việt Nam và các di tích xung quanh)	Xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa	1,09					1,09
19	Địa điểm Tổng Bí thư Trường Chinh và Văn phòng Trung ương Đảng làm việc giai đoạn 1947 - 1949 tại Phụng Hiến	Xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa	4,69	1,01	1,95		1,73	
20	Tôn tạo di tích lịch sử danh thắng Chùa Hang	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,10	0,01				0,09
21	Mở rộng tôn tạo khu lưu niệm bác Hồ với ngành Quân giới Việt Nam (mở rộng di tích lịch sử Xưởng Đội Cẩn - Nhà máy quân giới K77 1947-1954)	Xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	0,26		0,26			
22	Xuất tuyến sau trạm biến áp 110 KV Định Hóa	Xã Trung Hội, huyện Định Hóa	0,10	0,06				0,04
23	Dự án Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của các đường dây 475 E6.19, 477 E6.19 và 472 TBA 110kV theo phương án đa chia đa nối năm 2024	Các xã Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành, huyện Định Hóa	0,04	0,01				0,03
24	Chợ xã Bình Thành	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,65	0,40				0,25

Phụ lục VI

Danh mục 13 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025

của huyện Định Hóa

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

huyện Định Hóa)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		4,05	0,17				3,88
1	Nhà văn hóa xóm Cốc Lùng (để giao đất)	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,02					0,02
2	Nhà văn hóa xóm Làng Chùa (để giao đất)	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,03					0,03
3	Nhà văn hoá xóm Hồng Thái (để giao đất)	Xã Bình Thành, huyện Định Hoá	0,04					0,04
4	Nhà văn hoá xóm Làng Luông (để giao đất)	Xã Bình Thành, huyện Định Hoá	0,02					0,02
5	Nhà văn hoá xóm Quyết Tiến (để giao đất)	Xã Bình Thành, huyện Định Hoá	0,08					0,08
6	Nhà văn hoá xóm Đầm Thị (để giao đất)	Xã Bình Thành, huyện Định Hoá	0,12					0,12
7	Nhà văn hoá xóm Đồng Đình (để giao đất)	Xã Bình Thành, huyện Định Hoá	0,05					0,05
8	Nhà văn hóa xóm Chú 1 (để giao đất)	Xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	0,03					0,03
9	Nhà văn hóa xóm Chú 2 (để giao đất)	Xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	0,06					0,06
10	Xây dựng Trường chuẩn Trường Mầm non xã Bộc Nhiêu (để giao đất)	Xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa	0,02					0,02
11	Trường Mầm non xã Bảo Cường	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,23	0,17				0,06
12	Trường Mầm non Linh Thông (để giao đất)	Xã Linh Thông, huyện Định Hóa	0,43					0,43
13	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Định Hóa (để giao đất)	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	2,92					2,92

Phụ lục VII

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 01 dự án trên địa bàn huyện Định Hóa

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Định Hóa)

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau:							
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất				STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh														
1	Điểm ổn định dân cư và Tái định cư đường Hồ Chí Minh	Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa	3,00	1,20			1,80	1	Khu tái định cư thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn	Xã Phúc Chu, huyện Định Hóa	3,00	0,33			2,67

Phụ lục VIII

Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với 26 công trình, dự án trên địa bàn huyện Định Hóa

Hóa do đã quá 02 năm chưa thực hiện

*(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
huyện Định Hóa)*

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyet kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMĐ tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
	TỔNG CỘNG		134,34		134,34
1	Trang trại nuôi gia súc, gia cầm	Xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	0,43		0,43
2	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Phú Tiến, huyện Định Hóa	70,00		70,00
3	Dự án Trang trại nuôi lợn sinh sản công nghệ cao	Xã Tân Dương, huyện Định Hóa	13,66		13,66
4	Khu đô thị thị trấn Chợ Chu	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	9,50		9,50
5	Khu dân cư tập trung	Xã Bảo Cường, huyện Định Hóa	9,90		9,90
6	Ban chỉ huy quân sự xã Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	0,28		0,28
7	Mở rộng trường Mầm non Bảo Linh	Xã Bảo Linh, huyện Định Hóa	0,00		0,00
8	Cụm công nghiệp Kim Sơn	Xã Kim Phụng, huyện Định Hóa	5,00		5,00
9	Đấu giá cho thuê đất thương mại, dịch vụ xã Tân Dương	Xã Tân Dương, huyện Định Hóa	0,10		0,10
10	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,08		0,08
11	Nhà máy ván ép Green Energy	Xã Tân Dương, huyện Định Hóa	4,99		4,99
12	Cải tạo, nâng cấp đường vào Nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chu	Thị trấn Chợ Chu, xã Kim Sơn, H. Định Hóa	1,00		1,00
13	Mở rộng tuyến đường Bảo Cường - Đồng Thịnh - Định Biên	Xã Bảo Cường, xã Đồng Thịnh, xã Định Biên, huyện Định Hóa	5,00		5,00
14	Đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ - Tân Thịnh	Xã Quy Kỳ, xã Linh Thông, xã Lam Vỹ, xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa	8,00		8,00
15	Cải tạo, nâng cấp đường vào Nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chu	Thị trấn Chợ Chu, xã Kim Phụng, huyện Định Hóa	1,04		1,04
16	Sửa chữa đường vào điểm du lịch thác Khuân Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Xã Phú Đình, huyện Định Hóa	0,70		0,70
17	Chỉnh trang đô thị thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa	0,70		0,70
18	Đường giao thông từ UBND xã Phụng Tiến đi xóm Đình, xã Phụng Tiến, huyện Định Hóa	Xã Phụng Tiến, huyện Định Hóa	0,80		0,80
19	Sửa chữa nền, mặt đường và cạp mở rộng mặt đường đoạn Km24+800- Km25+300; Km25+450 - Km 25+600 và sửa chữa cầu Đá Con Km24+310 ĐT.264	Xã Trung Lương, huyện Định Hóa	0,06		0,06

20	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Tân Dương - Phượng Tiến - Trung Hội (đoạn xóm Pải)	Xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa	0,50		0,50
21	Mở rộng khu di tích lịch sử ngành bưu điện	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,39		0,39
22	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử nơi Báo nhân dân ra số đầu tiên ngày 11/3/1951	Xã Quý Kỳ, huyện Định Hóa	0,08		0,08
23	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Phú Đình	Xã Phú Đình, huyện Định Hóa	0,08		0,08
24	Di tích Đoàn phụ nữ cứu quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1948-1950)	Xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa	1,02		1,02
25	Nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Xã Phú Đình, huyện Định Hóa	0,44		0,44
26	Chợ xã Phú Tiến	Xã Phú Tiến, huyện Định Hóa	0,60		0,60

Danh sách chi tiết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Định Hóa xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Định Hóa)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
I	THỊ TRẤN CHỢ CHU									
1	Nguyễn Thế Hùng và Nguyễn Thị Nga	Thị trấn Chợ Chu	383	20	LUK	0,035	0,035			
2	Khúc Văn Uyển	Thị trấn Chợ Chu	372	20	LUC	0,014	0,014			
3	Khúc Văn Uyển	Thị trấn Chợ Chu	373	20	LUC	0,004	0,004			
4	Mông Đình Sỹ	Thị trấn Chợ Chu	888	16	LUC	0,025	0,025			
5	Nguyễn Việt Vinh và Nguyễn Thị Ánh Hồng	Thị trấn Chợ Chu	268	17	LUC	0,019	0,018			
6	Vũ Xuân Trường và Vũ Thị Mai Anh	Thị trấn Chợ Chu	957	21	LUK	0,016	0,016			
7	Dương Quốc Luyện	Thị trấn Chợ Chu	958	21	LUK	0,012	0,012			
8	Nguyễn Đức Tuấn	Thị trấn Chợ Chu	616 (760)	12	LUC	0,020	0,020			
9	Vì Văn Sìn	Thị trấn Chợ Chu	254	20	LUK	0,040	0,040			
10	Bùi Thị Loan	Thị trấn Chợ Chu	563	39	LUC	0,017	0,015			
11	Phan Văn Tân	Thị trấn Chợ Chu	228+247	29	LUK	0,030	0,030			
12	Phan Văn Tân	Thị trấn Chợ Chu	327	29	LUK	0,026	0,026			
13	Ma Đình Khoa	Thị trấn Chợ Chu	32	18	LUC	0,020	0,020			
14	Bùi Thị Hằng	Thị trấn Chợ Chu	327	31	LUC	0,020	0,020			
15	Nguyễn Thị Tám	Thị trấn Chợ Chu	535	30	LUC	0,040	0,040			
16	Mông Văn Em	Thị trấn Chợ Chu	129	30	LUK	0,010	0,010			
17	Lương Trung Hiếu	Thị trấn Chợ Chu	385	30	LUK	0,011	0,011			
II	XÃ BẢO LINH									
1	Dương Đình Đường	Xã Bảo Linh	128	57	LUC	0,007	0,007			
III	XÃ BÌNH YÊN									
1	Triệu Thị Cam	Xã Bình Yên	131	14	RSX	0,014	0,014			
2	Nguyễn Như Ngọc	Xã Bình Yên	17	21	RSX	0,026	0,026			
3	Đỗ Thị Thu Huyền	Xã Bình Yên	28	32	RSX	0,029	0,029			

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
4	Đào Thế Đạt	Xã Bình Yên	11	22	LUC	0,020	0,020			
5	Đào Thế Đạt	Xã Bình Yên	12	22	LUC	0,020	0,020			
IV	XÃ BỘC NHIÊU									
1	Bùi Duy Sô	Xã Bộc Nhiêu	1	84	LUC	0,097		0,097		
V	XÃ ĐỊNH BIÊN									
1	Hoàng Thị Tốt	Xã Định Biên	483	32	LUC	0,020	0,019			
2	Ma Thị Soạn	Xã Định Biên	484	32	LUC	0,025	0,025			
3	Hoàng Thị Nam	Xã Định Biên	485	32	LUC	0,020	0,020			
4	Ma Công Tuyển	Xã Định Biên	472	32	LUC	0,020	0,020			
5	Đoàn Thị Giang	Xã Định Biên	84	44	LUC	0,010	0,010			
VI	XÃ KIM PHƯỢNG									
1	Nguyễn Văn Hợi	Xã Kim Phượng	177	65	RSX	0,020	0,020			
VII	XÃ LAM VỸ									
1	Ma Hoàng Hoàn	Xã Lam Vỹ	69	18	LUC	0,010	0,010			
2	Lưu Văn Tự	Xã Lam Vỹ	68	18	LUC	0,060	0,030			
3	Hoàng Đình Hiệu	Xã Lam Vỹ	263	56	LUC	0,010	0,010			
VIII	XÃ PHÚ TIẾN									
1	Nguyễn Thị Tiến	Xã Phú Tiến	332	48	LUK	0,090	0,092			
IX	XÃ TRUNG HỘI									
1	Nguyễn Văn Ninh	Xã Trung Hội	269	8	LUC	0,012	0,012			
2	Lộc Đức Nhân	Xã Trung Hội	318	29	LUK	0,006	0,006			
X	XÃ TRUNG LƯƠNG									
1	Lý Thanh Tùng	Xã Trung Lương	304	9	LUC	0,010	0,010			
2	Mai Ngọc Tuấn	Xã Trung Lương	15	19	LUC	0,016	0,016			
XI	XÃ ĐỒNG THỊNH									
1	Hà Văn Hòa	Xã Đồng Thịnh	564	56	LUC	0,020	0,021			
XII	XÃ QUY KỶ									
1	Hoàng Quang Bình	Xã Quy Kỳ	11	111	LUC	0,019	0,019			

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
2	Hoàng Thị Deng	Xã Quy Kỳ	107	49	RST	0,040	0,040			
XIII	XÃ TÂN THỊNH									
1	Ma Thị Thơm	Xã Tân Thịnh	209	28	LUC	0,016	0,016			
2	Ma Thị Hương	Xã Tân Thịnh	208	28	LUC	0,020	0,020			
XIV	XÃ PHƯỢNG TIỀN									
1	Nguyễn Thị Thời	Xã Phượng Tiến	301	49	LUC	0,018	0,018			

